

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 191 /2024/DS-ST

Ngày: 27/12/2024;

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản;*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Bùi Đăng Lý;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thắt;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thắt tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thủy Tiên – Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thắt xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 164/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1957, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà F, xóm C, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Bà Nguyễn Phương A – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt;

***Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981, vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà A, thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà là người khiếm thị, sinh sống một mình không có chồng, con. Bà có tích cóp và mua được 8 chỉ vàng. Chị H là vợ anh Đ có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên có hỏi chị gái bà (là bà Nguyễn Thị T ở cùng xóm nhà chị H) vay tiền, do bà T không có tiền cho chị H vay nên bà T có giới thiệu chị H đến gặp bà để hỏi vay tiền, vì tin bà T giới thiệu chị H là người tử tế nên bà đã bán số vàng tích cóp được phòng lúc ốm đau đi để lấy tiền cho chị H vay lấy mấy

đồng lãi chi tiêu sinh hoạt. Ngày 04/12/2021, bà đã cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: cụm H, xóm Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất 20.000đồng/01 triệu/01 tháng, thời hạn vay là 03 năm, trả lãi hàng tháng, chị H có viết giấy vay tiền. Sau đó, chị H có trả lãi cho bà đầy đủ theo thỏa thuận. Kể từ ngày 04/12/2023 chị H không trả lãi cho bà.

Nay do chị H vi phạm thỏa thuận về việc trả lãi nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả bà toàn bộ số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận từ ngày 04/12/2023 đến ngày chị H trả bà số tiền gốc.

Tại biên bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Tháng 12/2021 (ÂL), chị có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và hẹn đến năm 2025 thì trả, lãi suất 600.000 đồng/ tháng, chị đã trả lãi cho bà N đầy đủ theo thỏa thuận. Từ tháng 4/2024 do nợ nần nhiều nên chị chưa trả được tiền lãi cho bà N. Chị thừa nhận giấy biên nhận tiền do bà N giao nộp cho Tòa án là do chị viết, việc vay nợ có bà T (là chị gái bà N) chứng kiến, nay chị đồng ý trả bà N mỗi tháng 400.000 đồng tiền lãi từ tháng 10/2024 cho đến tháng 3/2025 thì trả toàn bộ số nợ gốc và lãi, nếu như chị không thực hiện thì chị sẽ trả bà N bằng hiện vật (gán nợ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N là người khiêm thị, không có chồng con, hoàn cảnh khó khăn. Năm 2021, thông qua sự giới thiệu của bà T (là chị gái bà N), bà N có cho chị H vay mục đích lấy lãi để chi tiêu sinh hoạt. Tuy nhiên, sau đó chị H đã không thực hiện việc trả lãi cho bà N theo đúng thỏa thuận nên bà N khởi kiện yêu cầu chị H phải thanh toán trả cho bà N toàn bộ số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án chị H cũng thừa nhận có vay tiền bà N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho bà N số tiền gốc là **30.000.000** đồng và tiền lãi theo thỏa thuận kể từ tháng 12/2023 đến tháng 12.2024.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời khai của đương sự, thì giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tài sản. Theo thỏa thuận thì khoản vay có lãi là 600.000đ/ tháng, thời hạn vay đến năm 2025 thì chị H có nghĩa vụ trả bà N tiền gốc, lãi trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị H đã trả lãi cho bà N theo đúng thỏa thuận. Từ ngày 04/12/2023 chị H không thực hiện việc trả lãi cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên nay bà N khởi kiện yêu cầu chị H trả số gốc và lãi là có căn cứ.

Về lãi suất: Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất vay là 600.000 đồng/tháng = 2%/ tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên đề nghị Hội đồng áp dụng mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015.

Vì lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc chị Nguyễn Thị H trả bà Nguyễn Thị N số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 12/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2025.

2. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả tiền theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 04/12/2021; chị H hiện đang cư trú tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ tại huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về yêu cầu đòi nợ tiền vay của bà N đối với chị H*: Theo tài liệu chứng cứ thu thập được và lời khai của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Ngày 04/12/2021, bà Nguyễn Thị N có cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 600.000 đồng/ tháng = 2%/tháng, thời hạn vay là 03 năm (đến năm 2025 thì chị H có nghĩa vụ phải trả bà N số tiền gốc. Chị H đã thực hiện việc trả lãi cho bà N đến tháng 03/2023. Quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận từ tháng 4/2024 chị chưa trả tiền lãi cho bà N. Việc chị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà N theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền gốc trước hạn là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. *Về yêu cầu trả lãi*: Theo giấy nhận nợ thì chị H không ghi mức lãi suất hai bên thỏa thuận. Quá trình giải quyết, chị H thừa nhận có vay bà N tiền và thỏa thuận tiền lãi phải trả là 600.000 đồng/ tháng (2%/tháng) và chị H đã trả lãi cho bà N đến tháng 4/2024. Tuy nhiên, theo bà N thì chị H đã trả lãi đến ngày 04/12/2023 và chị H cũng không có tài liệu nào chứng minh thời gian đã trả lãi cho bà N. Do vậy, có căn cứ xác định khoản vay hai bên có thỏa thuận lãi là 2%/tháng và thời gian chị H chưa trả lãi cho bà N kể từ ngày 04/12/2023 đến nay. Bà N yêu cầu chị H trả lãi từ ngày 04/12/2023 cho đến nay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. *Về số tiền lãi xét thấy*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Như vậy, việc bà N, chị H thỏa thuận tính lãi 2%/tháng (24%/năm) là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 là 4%/năm. Do vậy, buộc chị H phải trả tiền lãi cho bà N kể từ ngày 04/12/2023 cho đến ngày 27/12/2024 theo mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp Điều 468 BLDS năm 2015. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi chị H phải trả bà N là: Tiền gốc: **30.000.000** đồng + **6.400.000** đồng (12 tháng 24 ngày x 20%/năm) = **36.400.000** đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*).

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.820.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà N được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều: 26, 35, 39, 95, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với chị Nguyễn Thị H về việc đòi nợ.

2 Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả bà Nguyễn Thị N số tiền nợ tính đến ngày 27/12/2024 là: **36.400.000** đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là **30.000.000** đồng, nợ lãi: **6.400.000** đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu **1.820.000** đồng (*một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án.

6. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú của bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện Thạch Thất;
- Chi cục thi hành án DS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện Thạch Thất;
- Chi cục thi hành án DS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA